

Số: 41 /2024/QĐST-DS

Bù Đăng, ngày 16 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/ DS- ST, ngày 08 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh X N, sinh năm 1964.

Bà Trần Th C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu Đức Hòa, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Th Kh, Sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Nguyễn B B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/Phần diện tích đất tranh chấp 7972,3m², thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 1, tại thôn Đak La, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đứng tên hộ ông Trịnh X N, địa chỉ Khu Đức Hòa, TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, nay vẫn thuộc quyền sử dụng của hộ ông Trịnh X N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 50/QSDĐ, do UBND huyện Bù Đăng ký ngày 21/07/2004. (Có sơ đồ kèm theo, Toạ độ gồm kí hiệu các điểm A, 14,15,16,5,6,8,9).

Ông Trịnh X N, bà Trần Th C có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn B B số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), và chia làm hai lần giao tiền như sau:

Lần 1 ngày cuối cùng 08/10/2025, ông Trịnh X N bà Trần Th C giao số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn B B.

Lần 2 ngày cuối cùng 08/10/2026, ông Trịnh X N bà Trần Th C giao số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn B B.

2/ Ông Nguyễn B B rút đơn yêu cầu phản tố.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn B B.

Hậu quả việc đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố:

ông Nguyễn B B có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả ông Nguyễn B B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001156 ngày 14/08/2023.

3/Về số tiền án phí DSST 6.250.000đ, nguyên đơn ông Trịnh X N bà Trần Th C nhận nộp 3.125.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 7.500.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016283 ngày 24/05/2021, số tiền còn lại 4.375.000đ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho ông Trịnh X N bà Trần Th C.

Ông Nguyễn B B nhận nộp số tiền án phí DSST 3.125.000đ.

Kể từ ngày ban hành Quyết định (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện Bù Đăng;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN VĂN XUYẾN